

Bản án số: 16/2018/HSST

Ngày: 19/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xô**.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông: **Nguyễn Khắc Thiện**.

- Ông: **Vũ Văn Hữu**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án huyện M, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 19/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/HSST ngày 09/3/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/HSST-QĐ ngày 09/4/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn N - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989, tại xã P, huyện M, tỉnh Đ; Nơi ĐKKTT: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Lò Văn M - SN: 1948 và con bà: Lò Thị S - SN: 1948 (đã chết); Vợ: Lò Thị C - SN: 1986 (đã ly hôn); bị cáo chưa có con; Tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự. Nhân thân: Bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo quyết định số: 15/QĐ-TA ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ với thời hạn là 12 tháng, đến ngày 15 tháng 02 năm 2017 thì chấp hành xong; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***) Người bị hại:** Chị **Điêu Thị H** – Sinh năm: 1995. Trú tại: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

***) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị: **Điêu Thị L** - Sinh năm: 1993. Trú tại: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

+ Anh: **Lò Văn V** - Sinh năm: 1993. Trú tại: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ vắng mặt tại phiên tòa (có lý do).

+ Anh: Đỗ Văn H - Sinh năm: 1981. Trú tại: Tổ 7, phường N, thị xã M, tỉnh Đ, vắng mặt tại phiên tòa (có lý do).

***) Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phùng Việt H - Luật sư, Cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/12/2017 Công an huyện M nhận được trình báo của chị Điều Thị H sinh năm 1995, trú tại bản P, xã P, huyện M về việc: gia đình mình bị mất số tiền 6.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của vợ chồng chị và 01 chiếc nhẫn bằng vàng trọng lượng 02 chỉ của chị gái Điều Thị L gửi chị H cất giữ hộ được để trong chiếc két sắt ở gian buồng ngủ.

Qua quá trình điều tra, xác minh xác định đối tượng đã thực hiện hành vi là Lò Văn N, sinh năm 1989 là em chồng của chị H, hiện đang ở cùng nhà với vợ chồng chị H. Cơ quan CSĐT Công an huyện M tổ chức khám nghiệm hiện trường, thu thập vật chứng, tiến hành các biện pháp điều tra và xác định được như sau:

Đề có tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân, vào một ngày đầu tháng 12/2017, Lò Văn N lợi dụng gia đình không có ai ở nhà, N đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của vợ chồng anh trai mình là Lò Văn N và Điều Thị H để trong két sắt đặt trong gian buồng ngủ của em gái Lò Thị S. Do đã để ý từ trước nên N biết anh N để chìa khóa két sắt ở túi áo treo trên sào cạnh giường ngủ của anh chị và có ghi mật khẩu của két sắt ở sổ để trong hòm tôn để ở cạnh đầu giường nên N đã lấy chìa khoá và quyển sổ ra để lấy mật khẩu và mở két sắt. Khi N vừa mở được két thì có Lò Văn Đ, sinh năm 2002 ở cùng nhà, là em trai của chị Điều Thị H phát hiện, N nói Đ đứng ra ngoài cảnh giới để N xem trong két có tiền không, Đ đồng ý. N kiểm tra trong két có 01 con lợn tiết kiệm đựng tiền bên trong, N dùng nhíp gấp kẹp tiền từ trong con lợn ra, N lấy được 600.000 đồng trong đó 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N đặt con lợn vào vị trí cũ và đóng két sắt lại rồi để chìa khoá và quyển sổ vào chỗ ban đầu. Số tiền lấy được N chia cho Đ 300.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ ngày 17/12/2017 khi không có ai ở nhà, N tiếp tục nảy sinh ý định lấy tiền trong con lợn để trong két sắt của vợ chồng anh N, nhưng khi mở két ra thì con lợn đựng tiền đã bị vỡ 01 mảng và đã được dán lại bằng băng dính, N bật đèn pin điện thoại soi bên trong chỉ còn 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng nên không lấy, N kiểm tra những chiếc hộp bỏ trong một chiếc túi bóng, phát hiện 02 sợi dây chuyền vàng, 02 sợi dây chuyền bạc, 02 chiếc nhẫn vàng trong đó có 01 chiếc hình trái tim, 01 chiếc mặt hình vuông, N đã lấy 01 chiếc nhẫn vàng có mặt hình vuông. Sau khi lấy được chiếc nhẫn vàng vì không có xe để mang đi bán nên N đã gọi điện cho anh Lò Văn V, sinh năm 1993 trú tại bản P, xã P đưa N xuống thị xã M. Vinh đồng ý và điều khiển xe máy BKS 27V1-059.44 của V chở N xuống thị xã M, đến khoảng 18 giờ cùng ngày đến nơi, Nguyễn đã đi vào cửa hàng Hưng T ở tổ 7, phường N, thị xã M bán chiếc nhẫn trên cho chủ cửa hàng là anh Đỗ Văn H,

chiếc nhẫn có trọng lượng 02 chỉ được 6.600.000 đồng, sau đó V chở N về nhà và được N trả cho 300.000 đồng tiền thuê đi xe ôm và mua cho 50.000 đồng tiền xăng. Đến ngày 19/12/2017 khi chị Điều Thị H mở két và phát hiện số tiền trong con lợn tiết kiệm và 01 chiếc nhẫn vàng bị mất nên đã trình báo vụ việc đến cơ quan chức năng. Sau khi sự việc xảy ra, chị H đã xé tờ giấy ghi mật khẩu chiếc két sắt ở trong quyển sổ đốt đi.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 20/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành trích xuất Camera của gia đình anh Đỗ Văn H ghi lại tại thời điểm Lò Văn N mang tài sản là 01 chiếc nhẫn vàng đã chiếm đoạt được bán tại cửa hàng anh H. Đoạn phim được trích xuất từ Camera được lưu trong một chiếc USB màu đỏ, hiệu FAT, bộ nhớ 8GB đã được niêm phong.

Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an huyện M còn thu giữ của Lò Văn N 01 chiếc điện thoại di động.

Tại kết luận số 14/KLGĐ ngày 21/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng (vàng ta) mặt hình chữ nhật có trọng lượng 02 chỉ trị giá 7.060.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 08/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lò Văn N về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138/BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, theo quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có việc làm, kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc USB lưu hình ảnh, đây là vật lưu giữ tài liệu chứng cứ của vụ án cần lưu lại hồ sơ vụ án; 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền màu cam có dòng chữ Xphone bị cáo N dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại chị Điều Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Về án phí: Bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại

điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46/BLHS, bởi bị cáo sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mong được sự khoan hồng của pháp luật và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng với mức án bằng hoặc thấp hơn mức khởi điểm của vị đại diện viện kiểm sát đề nghị.

Sau khi nghe lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của luật sư bị cáo không có ý kiến bổ sung lời bào chữa của luật sư và cũng có tranh luận gì đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện:

- Lần thứ nhất Lò Văn N đã chiếm đoạt 600.000 đồng của gia đình chị Điều Thị H, nhưng hành vi này không cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N là phạm tội nhiều lần.

- Chị Điều Thị H khai báo số tài sản gia đình chị bị mất là 6.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ. Tuy nhiên chị không có tài liệu gì để chứng minh số tiền mà chị bị mất là 6.000.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra làm rõ và chứng minh N chiếm đoạt của gia đình chị H 600.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng có trọng lượng 02 chỉ.

Số tiền Lò Văn N chiếm đoạt và số tiền mà N bán vàng có được N đã chi tiêu cá nhân hết nên không thể truy thu được số tiền này.

Đối với Lò Văn Đ đã cùng N trộm cắp 600.000 đồng, hành vi này của Đ không cấu thành tội phạm, sau khi bị phát hiện Đ đã đi khỏi địa phương không biết đi đâu, làm gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện M chưa xử lý đối với Đ.

Đối với Đỗ Văn H là người đã mua chiếc nhẫn vàng mà N mang đến bán, Lò Văn V là người đã chở N đi bán chiếc nhẫn vàng. Nhưng H và V đều không biết nguồn gốc chiếc nhẫn mà N bán có được là tài sản do phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý đối với H và V; Chiếc nhẫn sau khi H mua đã bán lại cho khách nên không truy thu được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Thông qua việc xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cụ, thể: Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong thời gian từ đầu tháng 12/2017 đến ngày 17/12/2017, tại gia đình chị Điều Thị H ở bản P, xã P, huyện M, tỉnh Đ, Lò Văn N đã hai lần có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị Điều Thị H: Lần 1 vào đầu tháng 12/2017 chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng, lần 2 vào ngày 17/12/2017 chiếm đoạt 01 chiếc nhẫn bằng vàng có trọng lượng 02 chỉ trị giá 7.060.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà N đã chiếm đoạt là 7.660.000 đồng.

[2]. Xét hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền tiêu sài mà không phải mất công sức lao động, bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện, chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Huệ có tổng giá trị là 7.660.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Với hành vi và trị giá tài sản chiếm đoạt nêu trên của bị cáo Lò Văn N đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138/BLHS năm 1999 sửa đổi năm 2009.

Tại khoản 1 Điều 138/BLHS quy định: ***"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"***.

Bị cáo Lò Văn N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lò Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã P, huyện M, tỉnh Đ, được bố mẹ nuôi cho ăn học hết lớp 9/12. Năm 2008 xây dựng gia đình, năm 2009 ly hôn. Năm 2015 bị đưa đi cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh, giáo dục lao động xã hội tỉnh Đ, ngày 15/02/2017 chấp hành xong về địa phương sinh sống. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, ông nội của bị cáo là Lò Văn C là liệt sĩ vậy, khi lượng hình cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999 sửa đổi năm 2009. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[4]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Mặc dù tính chất của vụ án ít nghiêm trọng thế nhưng hành vi trộm cắp của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm công tác và lao động sản xuất, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội trên địa bàn huyện M nói chung, xã P nói riêng, nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung, tội xâm phạm quyền sở hữu nói riêng nên cũng cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời đây cũng là điều kiện tốt cho bị cáo tránh xa và từ bỏ được ma túy. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt là phù hợp.

Lời đề nghị của người bào chữa đề nghị các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát.

[5]. Xét về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa người bị hại chị Điều Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6]. Xét về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viên màu cam có dòng chữ Xphone bị cáo N dùng vào việc phạm tội.

Còn đối với 01 chiếc USB lưu hình ảnh, đây là vật lưu giữ tài liệu chứng cứ của vụ án cần lưu lại hồ sơ vụ án.

[7]. Xét về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có công việc làm, kinh tế khó khăn nên HĐXX miễn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138/BLHS.

[8]. Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

[9]. Hồ sơ còn thể hiện:

- Ngoài lần trộm cắp bị phát hiện thì trước đó N đã lấy trộm 600.000 đồng của gia đình chị H, nhưng hành vi này không cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N là phạm tội nhiều lần. Chị H khai báo số tài sản gia đình chị bị mất là 6.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ, tuy nhiên chị không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh số tiền mà chị bị mất là 6.000.000 đồng và N cũng không nhận là mình đã lấy, quá trình điều tra Cơ quan điều tra làm rõ và chứng minh N đã chiếm đoạt của gia đình chị H 600.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng có trọng lượng 02 chỉ. Số tiền N đã chiếm đoạt và số tiền mà N bán vàng có được N đã chi tiêu cá nhân hết nên không thể truy thu được số tiền này.

Đối với Lò Văn Đ đã cùng N trộm cắp 600.000 đồng, hành vi này của Đ không cấu thành tội phạm, sau khi bị phát hiện Đ đã đi khỏi địa phương không biết đi đâu, làm gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện M chưa xử lý theo quy định của pháp luật đối với Đ.

Đối với Đỗ Văn H là người đã mua chiếc nhẫn vàng mà N mang đến bán, Lò Văn V là người đã chở N đi bán chiếc nhẫn vàng. Nhưng H và V đều không biết nguồn gốc chiếc nhẫn mà N bán có được là tài sản do phạm tội mà có, nên không đặt vấn đề xử lý đối với H và V; Chiếc nhẫn sau khi H mua đã bán lại cho người khác không biết tên tuổi, ở đâu nên không truy thu được.

[10]. Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều Tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, từ lúc khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án từ ngày bắt giam (22/12/2017).

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015.

Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền màu cam có dòng chữ Xphone bị cáo Nguyễn dùng vào việc phạm tội (theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 00, ngày 09/3/2018 giữa Công an huyện M, tỉnh Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đ).

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Điều Thị H không yêu cầu N phải bồi thường số tài sản mà N đã chiếm đoạt do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Áp dụng Điều 331 và 333/BLTTHS, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2018). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Nhà tạm giữ CA huyện M;
- Cơ quan THAHS huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng GDKT TA tỉnh Đ;
- VKS tỉnh Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- CA tỉnh Đ;
- UBND xã P thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

Quàng Văn Xôm

